

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 230/2006/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2006***LawSoft**THƯ VIỆN PHÁP LUẬT
www.ThuVienPhapLuat.Com**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên thời kỳ 2006 - 2020****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số 1115/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2005, Văn bản số 341/CV-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2006 và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5808/BKH-TĐ&GSĐT ngày 08 tháng 8 năm 2006 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên thời kỳ 2006 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên thời kỳ 2006 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội; củng cố hệ thống chính

trị cơ sở và khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc;

b) Phát huy nội lực, giải phóng sức sản xuất để khai thác tốt các tiềm năng, tạo sự đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sớm thoát khỏi tình trạng tỉnh nghèo, đặc biệt khó khăn. Từng bước thu hẹp khoảng cách, nhất là khoảng cách về hưởng thụ văn hóa - xã hội và một số lĩnh vực về kinh tế so với các tỉnh khác trong vùng và cả nước;

c) Giữ vững thời cơ, lợi thế và các cơ hội mới trong đầu tư và mở rộng hợp tác kinh tế đối ngoại để thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước, phát triển nhanh gắn với sự phát triển chung của vùng và cả nước. Phát triển mạnh kinh tế cửa khẩu, tăng nhanh các ngành công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh chất lượng tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, tính cạnh tranh và bền vững;

d) Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết cơ bản tình trạng sản xuất thuần nông, tự túc tự cấp. Đầu tư tập trung, có trọng điểm để phát triển các ngành có lợi thế, hình thành một số sản phẩm chủ lực và các vùng kinh tế động lực có quy mô sản phẩm lớn, làm nền tảng thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tổ chức, sắp xếp lại dân cư trong tỉnh, kể cả dân tái định cư của công trình thủy điện Sơn La;

đ) Đổi mới và phát triển mạnh giáo dục - đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đưa nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, nâng cao dân trí. Giảm tăng trưởng kinh tế với giải quyết công bằng xã hội, xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu, khắc phục chênh lệch giữa các vùng. v.v.... Lấy phát triển kinh tế để thúc đẩy tiến bộ xã hội, bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và sự đoàn kết nhất trí giữa các cộng đồng dân cư trong tỉnh;

e) Phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, đặc biệt là đầu nguồn sông Đà, bảo đảm chức năng phòng hộ cho các công trình thủy điện lớn của quốc gia.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững nền kinh tế - xã hội của Điện Biên nhằm thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo; phấn đấu trong giai đoạn 2006 - 2010, đưa Điện Biên ra khỏi danh sách các tỉnh đặc biệt khó khăn, từng bước thu hẹp

khoảng cách về mức sống của nhân dân so với các vùng khác trong cả nước theo tinh thần Nghị quyết 37/NQ-TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XI; giai đoạn 2011 - 2020, đưa Điện Biên thoát khỏi tình trạng kém phát triển, tiến tới trở thành một tỉnh miền núi biên giới vững mạnh, an ninh chính trị ổn định, kinh tế phát triển, xã hội văn minh và có khối đại đoàn kết các dân tộc vững chắc.

b) Các mục tiêu phát triển cụ thể

- Các mục tiêu kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 2006 - 2020 đạt 12,5%/năm. Trong đó, giai đoạn 2006 - 2010 đạt 12%/năm và giai đoạn 2011 - 2020 đạt 12,8%/năm; nâng mức GDP bình quân đầu người của tỉnh so với trung bình cả nước từ 45% năm 2005 lên 50% năm 2010, khoảng 65% năm 2015 và 80% năm 2020;

+ Tạo sự chuyển biến rõ nét về cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong tổng GDP của tỉnh. Đến năm 2010, cơ cấu kinh tế là: nông, lâm, thủy sản chiếm 29 - 30%, công nghiệp - xây dựng chiếm 34%, dịch vụ chiếm 36 - 37%; đến năm 2020: nông, lâm, thủy sản chiếm 18%, công nghiệp, xây dựng chiếm 40%, dịch vụ chiếm 42%;

+ Đến năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn đạt 16 - 17 triệu USD, trong đó xuất khẩu của địa phương đạt trên 8 triệu USD; đến năm 2020, đạt khoảng 100 triệu USD, trong đó xuất khẩu của địa phương đạt 45 - 50 triệu USD;

+ Tỷ lệ huy động ngân sách trên địa bàn so với tổng GDP năm 2010 tối thiểu đạt 5% và năm 2020 đạt trên 10%.

- Các mục tiêu xã hội:

+ Từ nay đến năm 2010, tạo việc làm cho khoảng 5.000 lao động/năm; giai đoạn 2011 - 2020 là 7.000 - 8.000 lao động/năm;

+ Từ nay đến năm 2010, mỗi năm giảm 5% tỷ lệ hộ đói nghèo. Phần đầu đến năm 2010 không còn hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia năm 2005) xuống còn dưới 20%; đến năm 2015 còn dưới 10% và đến năm 2020 còn dưới 3%;

+ Duy trì kết quả phổ cập giáo dục bậc tiểu học và xóa mù chữ. Phần đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở trong toàn tỉnh vào năm 2008; phổ cập bậc trung học phổ thông ở thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay vào

năm 2010 và đạt chuẩn phổ cập trung học phổ thông trong toàn tỉnh trước năm 2020;

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo dạy nghề. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng quy mô và hình thức đào tạo ở các trường chuyên nghiệp trong tỉnh với các ngành nghề phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất ở địa phương. Phần đầu nâng tỷ lệ lao động được đào tạo của tỉnh từ 16,4% hiện nay lên 25% vào năm 2010 và hơn 35% vào năm 2020; trên 70% số học sinh phổ thông được hướng nghiệp dạy nghề tại các trung tâm vào năm 2010 và 100% vào năm 2020;

+ Hoàn thiện mạng lưới y tế từ tỉnh đến xã, bản. Đến năm 2010, đạt trên 5,5 bác sĩ/1 vạn dân; 50% trạm xá xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; khoảng 60 - 70% số trạm xá có bác sĩ, 100% số thôn, bản có y tá, 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng mở rộng, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn dưới 20%. Đến năm 2020, đạt 10 bác sĩ/1 vạn dân, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn dưới 10% và 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế;

+ Đến năm 2010, toàn bộ các tuyến đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được cả 2 mùa, trong đó khoảng 50% số đường được nâng cấp, rải nhựa hoặc bê tông; 100% số xã có điện và ít nhất 80% dân số được dùng điện; 95% dân số được xem truyền hình, 100% dân số được nghe đài phát thanh. Đến năm 2015, toàn bộ hệ thống đường tỉnh, huyện và đường đến trung tâm xã, cụm xã được rải nhựa hoặc bê tông; trên 50% số thôn bản có đường ô tô, 100% dân số được dùng điện, 100% dân số được xem truyền hình. Đến năm 2020, trên 95% số thôn bản có đường ô tô đi lại được cả 2 mùa;

+ Hoàn thành việc định canh, định cư và sắp xếp lại dân cư trong toàn tỉnh trước năm 2010. Sắp xếp ổn định sản xuất và đời sống cho số dân tái định cư của Dự án thủy điện Sơn La.

- Mục tiêu bảo vệ môi trường:

Nâng tỷ lệ che phủ của rừng từ 38,5% hiện nay lên khoảng 50% vào năm 2010 và 65% vào năm 2020 nhằm bảo đảm chức năng phòng hộ đầu nguồn và đóng góp lớn vào nền kinh tế.

Đến năm 2010, tất cả các đô thị trong tỉnh có công trình thu gom và xử lý chất thải tập trung; 90% dân số đô thị được cấp nước sinh hoạt sạch và 80% dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt; khoảng 50% số hộ nông thôn có công trình vệ sinh hợp quy cách. Đến năm 2020, 100% dân số đô thị được cấp nước sinh hoạt

sạch và 100% dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt, trong đó trên 80% được cấp nước sạch; 100% số hộ nông thôn có công trình vệ sinh hợp quy cách.

- Mục tiêu an ninh, quốc phòng:

Ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới và khối đại đoàn kết các dân tộc; kiểm chế gia tăng và đẩy lùi tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, tệ nạn xã hội. Ngăn chặn kịp thời các tội phạm và âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Hoàn thành việc phân giới cắm mốc tuyến biên giới Việt - Trung trong năm 2006; tôn tạo, cắm dày mốc trên tuyến biên giới Việt - Lào trước năm 2010. Tăng số đồn, trạm biên phòng lên 20 km/đồn. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường tuần tra biên giới; kiên cố hóa các đồn, trạm biên phòng theo tiêu chuẩn. Đến năm 2015, hoàn chỉnh hệ thống đường vành đai biên giới, đường ra biên giới theo tiêu chuẩn đường cấp V, VI miền núi.

3. Phương hướng, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Phát triển ngành nông, lâm, ngư nghiệp:

- Nông nghiệp: phát triển toàn diện ngành nông, lâm nghiệp, tạo bước chuyển biến căn bản nền sản xuất nông - lâm nghiệp của Điện Biên theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm và đa dạng hóa cơ cấu kinh tế nông thôn.

Tốc độ tăng trưởng nông, lâm nghiệp và thủy sản thời kỳ 2006 - 2020 đạt 6,3%/năm. Nâng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp lên 26% vào năm 2010 và khoảng 35% vào năm 2020.

Phát triển ổn định sản xuất lương thực. Đến năm 2010, sản lượng lương thực đạt 220 - 230 nghìn tấn và đến năm 2020, đạt 270 - 280 nghìn tấn, đạt bình quân 450 kg/người, bảo đảm an ninh lương thực và tạo khối lượng hàng hóa lớn.

Phát triển mạnh cây công nghiệp, cây ăn quả, hình thành các vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm chủ lực. Đến năm 2010, diện tích các cây có giá trị kinh tế cao chiếm 18 - 20% và đến năm 2020, chiếm hơn 30% diện tích gieo trồng của tỉnh.

- Lâm nghiệp: mỗi năm trồng mới khoảng 4.500 ha rừng, trong đó có 1.800 - 2.000 ha rừng sản xuất; đến năm 2010 khoanh nuôi tái sinh khoảng 134 nghìn ha rừng và giai đoạn 2011 - 2020 khoanh nuôi tái sinh 190 - 200 nghìn ha, nâng tỷ lệ che phủ của rừng lên 50% vào năm 2010 và 65% vào năm 2020, bảo đảm chức năng phòng hộ đầu nguồn và đóng góp ngày càng lớn cho nền kinh tế.

- Ngư nghiệp: tận dụng tối đa khả năng mặt nước của các hồ, ao trên địa bàn để nuôi trồng thủy sản. Chú trọng phát triển các giống thủy sản mới có giá trị kinh tế cao. Cung cấp các loại giống tốt với giá cả phù hợp cho nông dân. Nâng tỷ trọng thủy sản nuôi trong ngành thủy sản lên 90%.

b) Phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp:

Phát triển nhanh và vững chắc các ngành công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp làm động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp, xây dựng bình quân thời kỳ 2006 - 2020 đạt 17,5%/năm. Trong đó giai đoạn 2006 - 2010 đạt 16 - 17%/năm; giai đoạn 2011 - 2020 đạt gần 18%/năm.

Nâng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong tổng GDP trên địa bàn từ 26,67% hiện nay lên khoảng 34% vào năm 2010 và 40% vào năm 2020, trong đó công nghiệp chiếm tỷ trọng hơn 60% giá trị gia tăng trong nội bộ khu vực công nghiệp, xây dựng.

Đến năm 2020, về cơ bản Điện Biên có một nền công nghiệp vững chắc với cơ cấu hợp lý, phù hợp với điều kiện và tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đồng thời có khả năng cạnh tranh cao. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp sau:

- Chế biến nông, lâm sản;
- Công nghiệp điện;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai khoáng;
- Các ngành công nghiệp khác.

c) Phát triển các ngành dịch vụ

Phát triển tổng hợp kinh tế dịch vụ theo hướng đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và các thành phần kinh tế tham gia để khuyến khích mạnh sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân.

Tốc độ tăng trưởng dịch vụ bình quân thời kỳ 2006 - 2020 đạt 13,8%/năm. Trong đó giai đoạn 2006 - 2010 đạt 13 - 14%/năm, giai đoạn 2011 - 2020 đạt 13,5 - 14%/năm. Nâng tỷ trọng dịch vụ trong GDP của tỉnh lên 36% vào năm 2010 và 42% vào năm 2020.

- Du lịch: xây dựng du lịch Điện Biên thành Trung tâm du lịch có tầm cỡ của vùng Tây Bắc và là một trọng điểm du lịch trong hệ thống du lịch quốc gia. Năm 2010, thu hút khoảng 300.000 lượt khách (trong đó có 50.000 lượt khách quốc tế) và năm 2020 đạt khoảng hơn 500.000 lượt khách (trong đó có khoảng 100.000 lượt khách quốc tế).

Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng cửa khẩu Tây Trang để nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế. Triển khai xây dựng cửa khẩu Huổi Puốc (Điện Biên) và cửa khẩu A Pa Chải (Mường Nhé) thành cửa khẩu quốc gia; mở thêm một số cửa khẩu khác để mở rộng buôn bán với nước bạn Lào và Trung Quốc nhằm thúc đẩy thương mại của tỉnh phát triển; đồng thời, tạo điều kiện mở rộng thị trường, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu. Sớm hoàn thành Đề án Khu kinh tế cửa khẩu đối với A Pa Chải để thu hút đầu tư phát triển.

Điều chỉnh chiến lược phát triển hàng xuất khẩu, hình thành một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh như: chè, hoa quả, thịt chế biến, gỗ chế biến, măng chế biến, xi măng, vật liệu xây dựng, khoáng sản v.v...; phấn đấu nâng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn lên khoảng 16 - 17 triệu USD vào năm 2010, trong đó xuất khẩu hàng của địa phương khoảng 8 triệu USD; đến năm 2020 đạt khoảng 100 triệu USD, trong đó xuất khẩu hàng địa phương khoảng 45 - 50 triệu USD.

- Các ngành dịch vụ khác: phát triển đồng bộ các ngành dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ vận tải, thông tin, bưu điện, tư vấn kỹ thuật, chuyên giao công nghệ và các dịch vụ xã hội khác v.v...

d) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

- Phát triển hệ thống giao thông

Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn, bảo đảm tính liên hoàn, liên kết trong vùng Tây Bắc và giữa các địa phương trong tỉnh. Chú trọng phát triển giao thông hướng ngoại. Đầu tư phát triển giao thông các đô thị, các khu vực sản xuất hàng hóa tập trung, các vùng định canh định cư và vùng biên giới gắn với quốc phòng, an ninh.

+ Hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ: từ nay đến năm 2010, tập trung đầu tư nâng cấp mở rộng toàn bộ các trục quốc lộ đi qua địa bàn (quốc lộ 279, quốc lộ 12 và quốc lộ 6A) đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi với 2 làn xe, đoạn khó khăn đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Xây dựng hoàn chỉnh tuyến tránh ngập của thủy điện Sơn La (đoạn từ km 91 đến km 106 thuộc quốc lộ 12), bảo đảm giao thông thông suốt giữa các

vùng trong tỉnh. Triển khai xây dựng mới và cải tạo nâng cấp các đường tỉnh lộ bảo đảm giao thông thuận tiện trong cả 4 mùa. Phấn đấu đến năm 2007, hoàn thành nâng cấp mở rộng toàn bộ các đường quốc lộ và các tỉnh lộ quan trọng phục vụ kinh tế và quốc phòng, bảo đảm 100% được nhựa hóa;

+ Đường vành đai biên giới, đường ra biên giới: tập trung xây dựng cơ bản các tuyến đường vành đai biên giới, đường ra biên giới và đường tuần tra biên giới, đáp ứng yêu cầu cơ động trong phòng thủ chiến lược cũng như trong quản lý và giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội trong tỉnh. Hoàn thành việc nâng cấp, nhựa hóa toàn bộ các tuyến đường vành đai biên giới trên địa bàn (đoạn Si Pa Phìn - Mường Nhé đạt tiêu chuẩn cấp IV; đoạn Pác Ma - Mường Nhé và Điện Biên - Sông Mã đạt tiêu chuẩn cấp V). Nâng cấp, kéo dài các tuyến đường ra biên giới; xây dựng đường nối các tỉnh lộ đến các vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện phát triển sản xuất;

+ Đường huyện, liên xã: thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để phát triển giao thông nông thôn. Phấn đấu mỗi năm nâng cấp rải nhựa hoặc bê tông hóa được 70 - 100 km đường huyện và liên xã để đến năm 2010 tất cả các đường huyện đều đạt tiêu chuẩn đường cấp V, VI, đường xã đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A và B: tỷ lệ đường giao thông nông thôn đi lại cả hai mùa đạt 90%; sau năm 2010, hoàn thành nâng cấp đường Pom Lót - Huổi Puốc và toàn bộ hệ thống đường huyện, liên xã. Từ nay đến năm 2007, ưu tiên cho các tuyến đường vào trung tâm xã hiện đang là đường đất; giai đoạn 2008 - 2010, tiếp tục đầu tư kiên cố hóa các tuyến hiện được rải cấp phối và đường đến các vùng sản xuất trọng điểm, đồng thời triển khai xây dựng đường đến trung tâm các xã sẽ được chia tách. Sau năm 2010, tiếp tục đầu tư xây dựng đường đến trung tâm các xã trên và đường từ trung tâm xã đến các thôn, bản. Phát triển hệ thống giao thông phục vụ cho việc xây dựng các khu tái định cư tập trung;

+ Về giao thông đô thị: phát triển đồng bộ, từng bước hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị và vận tải công cộng trong toàn tỉnh, đặc biệt là của thành phố Điện Biên Phủ, bảo đảm đến năm 2020, Điện Biên có hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đô thị hoàn chỉnh và hiện đại. Giai đoạn trước mắt từ nay đến năm 2010, tập trung xây dựng hoàn chỉnh các trục chính thuộc trung tâm các huyện, thị và thành phố Điện Biên Phủ theo quy hoạch (khoảng 150 km, riêng thành phố Điện Biên Phủ khoảng 35 km) đáp ứng yêu cầu phát triển của các đô thị. Dành quỹ đất hợp lý (khoảng 20 - 25%) cho phát triển giao thông đô thị, bao gồm cả giao thông tỉnh;

+ Giao thông đường thủy: khi đập thủy điện Sơn La được hàn khẩu, tỉnh Điện Biên sẽ có khoảng 100 km đường thủy nội địa. Để khai thác hiệu quả tuyến đường thủy này, dự kiến sẽ xây dựng một số cảng đường sông quan trọng như: cảng Huổi Xó (Tủa Chùa), cảng Đồi Cao (thị xã Mường Lay) phục vụ phát triển kinh tế và quốc phòng. Đầu tư cải tạo, khai thông luồng lạch; xây dựng đồng bộ hệ thống các phao tiêu, biển báo hiệu v.v... theo quy định, bảo đảm giao thông thuận tiện và an toàn. Về giao thông đường sắt: nghiên cứu khảo sát để xây dựng tuyến đường sắt Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên;

+ Về hàng không: sân bay Điện Biên Phủ là sân bay nội địa có hoạt động bay quốc tế: tiếp tục đầu tư nâng cấp đạt quy mô cấp 3C theo tiêu chuẩn ICAO, bảo đảm phục vụ bay ban ngày với các loại máy bay ART72/F70 hoặc tương đương. Công suất dự kiến 200 nghìn hành khách/năm và 500 tấn hàng hóa/năm vào năm 2015.

- Phát triển hệ thống thủy lợi

Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các hồ chứa nước, các công trình thủy lợi đầu mối và hệ thống kênh mương. Ưu tiên đầu tư thực hiện trước hệ thống thủy lợi ở các vùng trọng điểm lúa nước được quy hoạch, bao gồm lòng chảo Điện Biên, Chiềng Sinh, Búng Lao (Tuần Giáo). Xây dựng mới các công trình thủy lợi ở các khu vực có tiềm năng về nguồn nước và đất đai tương đối tập trung để đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, gắn với quy hoạch bố trí sắp xếp lại dân cư và tái định cư của tỉnh. Tập trung đầu tư xây dựng một số công trình thủy lợi ở các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Nhé và Tuần Giáo, bảo đảm đủ nước tưới cho 17.000 ha lúa mùa và 8.050 ha lúa chiêm xuân trong khu vực.

- Phát triển hệ thống cấp điện

Xây dựng hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng tại các khu đô thị. Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới đồng bộ hệ thống chuyển tải điện và lưới điện hạ thế trong toàn tỉnh. Nâng cấp lưới điện Sơn La - Tuần Giáo từ 110 KV lên 220 KV; lưới điện Tuần Giáo - Tủa Chùa - Lai Châu từ 35 KV lên 110 KV. Xây dựng lưới điện 35 KV cho các khu vực Điện Biên - Mường Nhà - Mường Lói; Huổi Lèng - Pa Khoang.

Cải tạo và hoàn thiện lưới điện hạ thế của thành phố Điện Biên Phủ, của các xã thuộc lòng chảo Điện Biên và toàn bộ các thị trấn huyện lỵ trong tỉnh. Xây dựng lưới điện nông thôn. Chú trọng đầu tư xây dựng các công trình thủy điện nhỏ và mạng lưới cấp điện cho các vùng tái định cư, vùng sâu, vùng xa. Bảo đảm đến năm

2007, toàn bộ 100% số xã, phường trong tỉnh có điện; đến năm 2010, có ít nhất 80% dân số được dùng điện và đạt 100% trước năm 2020.

- Phát triển hệ thống cấp, thoát nước

Xây dựng đồng bộ hệ thống cấp thoát nước cho thành phố Điện Biên Phủ. Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới hệ thống cấp nước cho các thị trấn và các khu dân cư tập trung. Đến năm 2020, tất cả các thị trấn, huyện lỵ trong tỉnh đều có nhà máy nước công suất từ 2.000 m³/ngày đêm trở lên, bảo đảm định mức tối thiểu 90 lít/người/ngày đêm. Kết hợp việc xây dựng hệ thống cấp, thoát nước ở các khu đô thị với xây dựng hệ thống giao thông nội thị.

Nâng cấp mở rộng nhà máy nước Điện Biên từ 8.000 m³/ngày đêm hiện nay lên 24.000 m³/ngày đêm vào năm 2010, bảo đảm cung cấp nước sinh hoạt cho thành phố Điện Biên Phủ và thị trấn Điện Biên. Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt của thành phố Điện Biên Phủ. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước trực chính cho tất cả các thị trấn huyện lỵ trong tỉnh.

Chú trọng đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, đặc biệt là cho các xã vùng cao, vùng xa, các khu tái định cư, các đồn biên phòng và vùng biên giới theo Chương trình nước sạch quốc gia; bảo đảm đến năm 2010, có hơn 90% số dân đô thị được cấp nước sạch sinh hoạt và 80% dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt.

- Thương mại: phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trong tỉnh. Đầu tư và hoàn thiện chợ đầu mối tại thành phố Điện Biên Phủ; cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các chợ và trung tâm thương mại ở các cửa khẩu, thị xã, thị trấn, thị tứ và trung tâm cụm xã; phát triển mạnh các chợ, các điểm thương mại tại các vùng nông thôn, vùng cao và vùng biên giới.

đ) Phát triển các ngành, lĩnh vực xã hội

- Dân số, lao động và việc làm: giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,65% vào năm 2010 và 1,35% vào năm 2020.

Phấn đấu tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 14% hiện nay lên 20% vào năm 2010 và trên 30% vào năm 2020. Từ nay đến 2010, mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 5.000 lao động/năm; giai đoạn 2011 - 2020 giải quyết việc làm cho 7.000 - 8.000 lao động/năm. Nâng tỷ lệ lao động được đào tạo lên trên 25% vào năm 2010 và trên 35% vào năm 2020.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia năm 2005) xuống dưới 20% vào năm 2010 và còn dưới 3% vào năm 2020: tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 20% vào năm 2015 và còn dưới 10% vào năm 2020.

- Giáo dục - đào tạo: đạt chuẩn phổ cập bậc trung học cơ sở vào năm 2008 và đạt chuẩn phổ cập bậc trung học phổ thông trước năm 2020. Hoàn thành chương trình kiên cố hóa các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh vào năm 2015. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề; đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng quy mô và hình thức đào tạo. Phân đầu đến năm 2020, mỗi huyện đều có trường dạy nghề; đến năm 2010, trên 70% số học sinh trung học phổ thông được hướng nghiệp dạy nghề tại các trung tâm và đạt 100% vào năm 2020.

- Khoa học - công nghệ: đẩy mạnh việc phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, chú trọng phát triển công nghệ bảo quản sau thu hoạch và chế biến sản phẩm.

- Y tế: năm 2010, khoảng 60 - 70% trạm y tế xã có bác sĩ và vào năm 2015 đạt 100%. Đến năm 2010, đạt 100% các bản có y tá, đạt 5,5 - 6 bác sĩ/1 vạn dân và đến năm 2020 đạt hơn 10 bác sĩ/1 vạn dân. Hoàn thành chương trình kiên cố hóa các cơ sở y tế trong toàn tỉnh vào năm 2015.

- Văn hóa - thông tin: đến năm 2010, đạt 100% dân số trong tỉnh được nghe đài phát thanh; 95% dân số được xem truyền hình; 100% số xã có nhà bưu điện - văn hóa xã; tỷ lệ sử dụng điện thoại đạt 10 máy/100 dân và vào năm 2020 đạt hơn 20 máy/100 dân.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa. Mở rộng giao lưu văn hóa, văn nghệ. Tăng cường cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thông tin của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử Điện Biên Phủ và các di tích lịch sử và danh thắng khác. Khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc. Nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xuất bản v.v.... Thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", xây dựng làng văn hóa. Đẩy mạnh xã hội hóa trong việc phát triển văn hóa nhằm huy động nguồn lực xã hội để đầu tư cơ sở vật chất, các thiết chế văn hóa, bảo tồn, tôn tạo di sản văn hóa.

- Thể dục - thể thao: tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục, thể thao. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, rèn luyện thể chất. Phát triển thể

thao quần chúng. Chú trọng bồi dưỡng các vận động viên năng khiếu để phát triển một số môn thể thao thành tích cao.

e) Phát triển đối ngoại

Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào. Duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, với các nước trong khu vực và các tổ chức quốc tế trên cơ sở đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Kết hợp chặt chẽ quản lý bảo vệ chủ quyền biên giới với khai thác có hiệu quả kinh tế đối ngoại qua các cửa khẩu. Thực hiện tốt kế hoạch công tác phân giới cắm mốc trên tuyến biên giới Việt - Trung, cắm dày mốc biên giới Việt - Lào.

Tìm hiểu các thị trường bên ngoài, trước mắt là tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và ba tỉnh Bắc Lào để xúc tiến hợp tác thương mại, du lịch v.v... đồng thời xây dựng chiến lược hợp tác kinh tế lâu dài với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và ba tỉnh Bắc Lào trong thời gian tới.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại, kinh tế đối ngoại, chuẩn bị các điều kiện để cùng cả nước tham gia hội nhập quốc tế. Phối hợp quản lý tốt các đoàn khách nước ngoài đến Điện Biên và các đoàn của tỉnh ra nước ngoài. Xúc tiến thành lập các tổ chức Hội hữu nghị trên địa bàn như Hội hữu nghị Việt - Trung, Hội hữu nghị Việt - Lào, Hội hữu nghị Việt - Pháp. Vận động dự án, chương trình viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ và thực hiện các công tác quản lý dự án bảo đảm đạt hiệu quả, đúng mục đích, giữ vững mối quan hệ đối ngoại theo quan điểm, chính sách và pháp luật của Việt Nam. Xây dựng các chương trình hợp tác đối ngoại của tỉnh cho giai đoạn tới.

g) Định hướng củng cố quốc phòng, an ninh

- Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng

Tăng cường và củng cố tiềm lực quốc phòng gắn với chiến lược phòng thủ vùng Tây Bắc và vùng trung du, miền núi phía Bắc của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh biên giới, chủ động đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời và đẩy lùi các hoạt động xâm phạm biên giới, xâm phạm mốc giới quốc gia.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực quản lý biên giới cho lực lượng biên phòng. Xây dựng hoàn chỉnh các tuyến đường vành đai biên giới, đường ra biên

giới và đường tuần tra biên giới. Xây dựng bổ sung các đồn, trạm biên phòng, các trạm tuần tra, cắm dây mốc biên giới trên tuyến Việt - Lào.

Gắn phát triển kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Tăng cường đầu tư và năng lực cho các khu vực phòng thủ quan trọng trên địa bàn. Xây dựng một khu vực phòng thủ vững chắc từ tỉnh đến huyện, bảo đảm tính cơ động, sẵn sàng chiến đấu cao và chủ động đối phó với mọi tình huống. Tăng cường quan hệ trao đổi, hợp tác với các địa phương của các quốc gia láng giềng nhằm xây dựng một khu vực biên giới hòa bình, ổn định và phát triển.

- Xây dựng các khu kinh tế, quốc phòng tại các xã biên giới

Thực hiện có hiệu quả Chương trình 120 về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới Việt - Trung, trong đó đặc biệt chú trọng việc thực hiện các mục tiêu đưa dân ra định cư phát triển sản xuất tại các khu vực biên giới. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và xây dựng bộ máy chính quyền địa phương vững mạnh để cùng với các lực lượng vũ trang thực hiện tốt chức năng quản lý và bảo vệ an ninh biên giới.

Tiến hành quy hoạch chi tiết Khu kinh tế, quốc phòng Mường Chà đã được xây dựng và dự kiến sẽ mở rộng ra khu vực vùng cao thuộc các huyện Mường Nhé, Mường Lay. Kết hợp giữa xây dựng thể trận quốc phòng với đầu tư phát triển, củng cố chính quyền cơ sở, ổn định đời sống nhân dân. Phối hợp chặt chẽ với Quân khu II để bảo đảm mục tiêu và tiến độ xây dựng Khu kinh tế - quốc phòng sông Mã thuộc địa bàn tỉnh.

- Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và sức mạnh của quần chúng trong việc kiểm chế, giảm tội phạm, giữ vững an ninh xã hội trên địa bàn. Chủ động đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn và làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Tiếp tục tăng cường tuyên truyền vận động kết hợp với các biện pháp kinh tế, hành chính để khắc phục tiến tới xóa bỏ tình trạng dân di cư tự do và truyền đạo trái phép. Chăm lo phát triển kinh tế, sắp xếp dân cư, ổn định và nâng cao đời sống đồng bào tại các địa bàn di cư tự do. Ngăn chặn kịp thời các hộ dân di cư tự do vào địa bàn tỉnh và các hộ di cư vào các tỉnh Tây Nguyên. Tập trung lực lượng đấu tranh giải quyết tốt tình trạng nghiện hút, trộm cắp, gây rối và các tệ nạn sản xuất,

tàng trữ, buôn bán các chất ma túy. Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ trật tự xã hội trên địa bàn, đặc biệt là đối với vùng biên giới và các vùng dân tộc ít người.

Tăng cường cán bộ an ninh cơ sở, an ninh nhân dân ở các thôn, bản để kịp thời phát hiện và dập tắt các hoạt động chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, kích động bạo loạn, truyền đạo trái phép, phá hoại kinh tế v.v...

4. Định hướng tổ chức kinh tế theo lãnh thổ

a) Định hướng phát triển hệ thống đô thị

- Phát triển mở rộng thành phố Điện Biên Phủ

Tiếp tục triển khai Nghị định số 110/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về thành lập thành phố Điện Biên Phủ, tập trung đầu tư phát triển toàn diện thành phố cả về kinh tế, về quy mô và diện tích, từng bước xây dựng Điện Biên Phủ trở thành một trong những đô thị trung tâm của vùng Tây Bắc có cơ cấu kinh tế hiện đại, có sức lan tỏa mạnh đến các khu đô thị khác trong vùng. Dự kiến quy mô dân số của thành phố năm 2010 sẽ đạt 8 - 10 vạn dân và năm 2020 tăng lên khoảng 13 - 14 vạn dân. Tiến hành nâng cấp thành phố Điện Biên Phủ lên Thành phố loại II trước năm 2015.

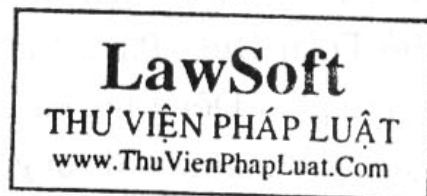
- Phát triển các đô thị khác

Tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch các đô thị khác trong toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển các đô thị mới do yêu cầu chia tách, di chuyển. Giai đoạn đến năm 2010, tập trung đầu tư xây dựng cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị của thị xã Mường Lay và các huyện Mường Nhé, Mường Chà, Điện Biên. Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nội thị, cấp thoát nước cho các thị trấn Tuần Giáo, Tủa Chùa.

Tiếp tục phát triển đồng bộ hệ thống các thị trấn, thị tứ cho các huyện khác và các trung tâm cụm xã trong toàn tỉnh. Tăng cường công tác quy hoạch các trung tâm cụm xã và trung tâm xã. Từ nay đến năm 2010, đầu tư xây dựng xong toàn bộ 13 trung tâm cụm xã và khoảng 50% trung tâm xã trong tỉnh, giai đoạn sau 2010, tiếp tục xây dựng các trung tâm xã còn lại.

b) Định hướng tổ chức không gian công nghiệp

Tập trung xây dựng một số khu, cụm công nghiệp tập trung quy mô từ vài ha đến vài chục ha làm nền tảng cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các khu, cụm công nghiệp cần xây dựng gần vùng nguyên liệu, gần trục giao thông, có điều kiện cung cấp điện, nước và xử lý



chất thải thuận lợi; đồng thời, phải phù hợp với quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, khu công nghiệp của cả nước. Từ nay đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh Điện Biên xây dựng, hình thành một số khu, cụm công nghiệp tập trung sau: khu công nghiệp Đông Nam thành phố Điện Biên Phủ (quy mô 60 ha); khu công nghiệp Tây lòng chảo Điện Biên (quy mô 30 - 40 ha); cụm công nghiệp phía Tây thành phố Điện Biên Phủ; cụm công nghiệp phía Đông huyện Điện Biên; cụm công nghiệp phía Đông huyện Tuần Giáo; cụm công nghiệp phía Nam huyện Tủa Chùa; cụm công nghiệp Mường Lay.

c) Định hướng tổ chức không gian du lịch

Phát triển không gian du lịch thành phố Điện Biên Phủ thành trung tâm du lịch chính, là điểm đầu mối các hoạt động du lịch của tỉnh, đồng thời là điểm dừng quan trọng trong hành lang du lịch Tây Bắc và các vùng phụ cận trong và ngoài nước. Xây dựng thị xã Mường Lay thành trung tâm du lịch ở khu vực phía Bắc của tỉnh.

Hình thành 2 tuyến du lịch trọng điểm trên địa bàn là: tuyến du lịch dọc quốc lộ 12 và quốc lộ 4 D (cửa khẩu Tây Trang - thành phố Điện Biên Phủ - thị xã Mường Lay - Lào Cai) và tuyến du lịch dọc quốc lộ 279 (thành phố Điện Biên Phủ - Tuần Giáo - đèo Pha Đin - Sơn La). Ngoài 2 tuyến chính trên sẽ hình thành một số tuyến du lịch phụ với vai trò bổ trợ cho tuyến chính để đa dạng thêm các loại hình du lịch và kéo dài thời gian tham quan của du khách.

Tập trung xây dựng một số cụm du lịch quan trọng trên cơ sở liên kết giữa các điểm du lịch trong từng khu vực, trong đó trọng tâm là:

+ Cụm du lịch thành phố Điện Biên Phủ và vùng phụ cận mà trọng tâm là khu vực thành phố Điện Biên - Pa Khoang - Mường Phăng đã được Chính phủ phê duyệt là Khu du lịch chuyên đề văn hóa - lịch sử quốc gia. Các sản phẩm du lịch chính của cụm du lịch này gồm: du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao mạo hiểm, vui chơi giải trí, hội nghị, hội thảo và thương mại, công vụ...

+ Cụm du lịch thị xã Mường Lay và vùng phụ cận với các sản phẩm du lịch chính: du lịch sinh thái sông Đà, du lịch văn hóa lịch sử, thể thao, giải trí v.v...

+ Các cụm du lịch Tuần Giáo - Pha Đin, Mường Nhé, Pú Nhi, với các sản phẩm du lịch chính gồm: du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học v.v...

d) Định hướng phát triển các vùng kinh tế, các khu tái định cư tập trung

Trước những yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới, căn cứ vào điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên, tập trung quy hoạch và đầu tư phát triển 3 vùng kinh tế là: trục kinh tế động lực quốc lộ 279, vùng kinh tế lâm, nông nghiệp sinh thái sông Đà và vùng kinh tế Mường Chà - Mường Nhé.

Phát triển tổng thể các vùng, khu tái định cư tập trung.

Theo phương án quy hoạch tổng thể di dân tái định cư Dự án thủy điện Sơn La đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 196/2004/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2004: từ nay đến năm 2010, tại Điện Biên sẽ xây dựng 7 vùng, 22 khu với 29 điểm tái định cư tập trung (thêm 2 khu, 2 điểm thị xã Mường Lay). Trong đó có 3 vùng tái định cư đô thị và 4 vùng tái định cư nông thôn có khả năng tiếp nhận 5.821 hộ (trước mắt bố trí 2.735 hộ), ngoài việc sắp xếp ổn định cho toàn bộ số hộ tái định cư của tỉnh, còn có thể tiếp nhận thêm gần 2.000 hộ từ các tỉnh lân cận. Phân đầu hoàn thành di dân tái định cư trên địa bàn vào năm 2008, bao gồm các vùng, khu tái định cư sau: tại thị xã Mường Lay, thành phố Điện Biên Phủ, thị trấn Điện Biên, Tòa Chùa, các huyện Điện Biên, Mường Chà, Mường Nhé; các khu tái định cư Mo Phí - A Pa Chải xã Sín Thầu, Phụ Phang xã Chung Chải, xã Mường Toong, Tả Sỉ Phùng xã Mường Nhé, xã Nà Hì.

đ) Tổ chức sắp xếp lại các đơn vị hành chính gắn với bố trí lại dân cư trên toàn địa bàn.

Giai đoạn đến năm 2010, xem xét việc chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính cho 25 xã; điều chỉnh và chia tách 2 huyện Mường Chà, Mường Nhé thành 3 huyện; chia tách huyện Tuần Giáo thành 2 huyện. Sau năm 2010, tiếp tục nghiên cứu chia tách và điều chỉnh một số huyện, xã cho phù hợp. Theo quy hoạch, từ nay đến năm 2010, toàn tỉnh cần thành lập 251 bản mới để ổn định sản xuất và đời sống cho 9.137 hộ, với 51.557 nhân khẩu.

5. Các giải pháp, chính sách chung để thực hiện Quy hoạch

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch

- Xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện Quy hoạch;
- Công khai hóa, tuyên truyền phổ biến Quy hoạch. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá và rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ trong từng giai đoạn;

- Làm tốt công tác tổ chức, phân công thực hiện Quy hoạch.;

b) Giải pháp huy động vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh trong giai đoạn 2006 - 2020 là rất lớn so với nguồn lực và khả năng cân đối của tỉnh và sự hỗ trợ của Trung ương. Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh Điện Biên giai đoạn 2006 - 2020, tỉnh cần phải có các biện pháp để huy động vốn một cách tích cực, trong đó nguồn nội lực là chủ yếu, sử dụng quỹ đất hợp lý để tạo vốn đầu tư, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao v.v...; đồng thời, đề xuất phương án huy động vốn cho từng giai đoạn, sắp xếp lựa chọn các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư, phân kỳ đầu tư hợp lý và có những giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm thu hút vốn đầu tư, bảo đảm thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.

c) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Mở rộng đào tạo, dạy nghề bằng các hình thức chính quy, tại chức, dài hạn, ngắn hạn. Tăng cường năng lực đào tạo của các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên địa bàn, tiến tới thành lập trường Đại học đa ngành, chú trọng đầu tư cho các trung tâm dạy nghề. Xây dựng chính sách ưu tiên đặc biệt trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở ở vùng biên giới, vùng cao đặc biệt khó khăn, cán bộ là người dân tộc thiểu số và cán bộ chuyên môn từ miền xuôi lên. Có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động nông nghiệp và đồng bào dân tộc để đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động. Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở đào tạo của tỉnh với các trung tâm đào tạo, dạy nghề ở Hà Nội v.v....

d) Phát triển khoa học, công nghệ

Gắn phát triển khoa học, công nghệ với sản xuất, tạo điều kiện ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học, công nghệ mới. Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng đại trà những tiến bộ khoa học vào sản xuất. Có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất. Xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án tin học hóa các cơ quan Đảng và Nhà nước. Phát triển mạnh nguồn nhân lực cho khoa học, công nghệ, tăng cường lực lượng khoa học cho cơ sở. Có chính sách thu hút các cán bộ khoa học về công tác tại Điện Biên và chuyển giao công nghệ cho tỉnh.

Nghiên cứu xây dựng một số cơ chế, chính sách

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, tín dụng của Nhà nước và nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA) để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng phục vụ nhu cầu phát triển của Điện Biên và vùng Tây Bắc...;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các Bộ nghiên cứu đưa tỉnh Điện Biên vào danh mục ưu tiên triển khai các dự án sử dụng nguồn vốn ODA nhằm phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói, giảm nghèo của tỉnh;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp tỉnh lập quy hoạch và xem xét hỗ trợ vốn đầu tư hoàn chỉnh hệ thống Khu kinh tế cửa khẩu và cho phép các Khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh được hưởng mọi ưu đãi ở mức cao nhất trong chính sách ưu đãi hiện hành chung đối với loại hình này;

- Tỉnh cần nghiên cứu để ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào tỉnh Điện Biên nói riêng và vùng Tây Bắc nói chung;

- Tỉnh phối hợp với Bộ Công nghiệp xây dựng cơ chế phân cấp quản lý các mỏ khoáng sản trên địa bàn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư đến năm 2010 (xem Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nêu trong Quy hoạch được phê duyệt; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực; kế hoạch 5 năm và hàng năm, các dự án đầu tư trên địa bàn để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ;

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các Bộ, ngành liên quan, hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu xem xét, điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN
NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ, GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

(Không bao gồm các dự án nhóm C và các dự án đang được đầu tư)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 230 /2006/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô
I	Công nghiệp		
1	Thủy điện Nậm Mực	Tuần Giáo	35 MW
2	Thủy điện Nam Pay	Tuần Giáo	2 MW
3	Thủy điện Nậm He	Mường Chà	4 MW
4	NM chế biến thức ăn gia súc Tuần Giáo	Tuần Giáo	2.000 T/năm
5	NM gạch tuy nen Tủa Chùa	Tủa Chùa	10 tr.v/năm
6	NM gạch tuy nen Mường Nhé	Mường Nhé	10 tr.v/năm
7	NM gạch tuy nen Điện Biên Đông	Điện Biên Đông	10 tr.v/năm
8	Dây chuyền tấm lợp hữu cơ Điện Biên	Điện Biên	350.000m ² /năm
9	NM ván dăm Tuần Giáo	Tuần Giáo	18.000m ³ /năm
10	NM chế biến tinh bột sắn Điện Biên	Điện Biên	1.200 T/năm
11	Lưới cao, trung thế	Toàn Tỉnh	80km + 300km
12	Lưới điện hạ thế	Toàn Tỉnh	200 km
13	KCN Đông Nam Điện Biên	Tp. Điện Biên	100 ha
II	Giao thông		
1	Nâng cấp quốc lộ 279	T.Giáo - Đ.Biên	76 km
2	Đường Chung Chải - Sín Thầu - A Pa Chải	Mường Nhé	35 km
3	Đường tỉnh 126	Tx. Mường Lói	20 km

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô
4	Nâng cấp đường tỉnh 129	Tủa Chùa	20 km
5	Đường Noong Luống - Pa Thơm	Điện Biên	15 km
6	Đường Nà Nhạn - Mường Phăng	Điện Biên	20 km
7	Các tuyến đường ngang Lòng chảo	Điện Biên	30 km
8	Đường Km 428/QL6A - Phình Sáng	Tuần Giáo	21 km
9	Đường QL 279 - Tênh Phong	Tuần Giáo	21,5 km
10	Đường Km 30/QL279 - Huổi Chỏn - Mường Đăng	Tuần Giáo	19 km
11	Đường Mường Báng - Tả Phình	Tủa Chùa	29 km
12	Đường Mường Báng - Mường Đun	Tủa Chùa	17 km
13	Đường Chà Tở - Mường Tùng	Mường Chà	55 km
14	Đường phía Tây Lòng chảo	Điện Biên	17 km
15	Đường Phình Giàng - Mường Nhà	Đ.Biên Đông	37 km
16	Quốc lộ 12 (Co Đór - Huổi Mi 2)	Mường Chà	32 km
17	Đường Phình Sáng - Khua Trá	Tuần Giáo	15 km
18	Đường Phi Nhừ - Chiềng Sơ	Đ.Biên Đông	20,7 km
19	Đường Mường Mùn - Thẩm Mù	Tuần Giáo	15 km
20	Đường Nà Hỳ - Nà Búng	Mường Nhé	27 km
21	Đường Mường Nhé - Nậm Là	Mường Nhé	23,5 km
22	Đường Mường Tong - Na Co Sa	Mường Nhé	34 km
23	Đường Mường Tong - Nậm Mi	Mường Nhé	17 km
III	Thương mại - Dịch vụ		
1	Hệ thống chợ trung tâm thị xã, huyện lỵ	Toàn Tỉnh	18.000 m ²
2	Khu du lịch động Pa Thơm	Điện Biên	50 ha
3	Khu đầu mối cửa khẩu Huổi Puốc	Điện Biên	40 ha
4	Khu đầu mối cửa khẩu A Pa Chải	Mường Nhé	50 ha

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô
IV	Thủy lợi		
1	Kiên cố hóa kênh mương cấp I: 100km	Các huyện	600 ha
2	Kiên cố hóa kênh mương cấp II	Các huyện	750 ha
3	Kè chỉnh trị sông Nậm Rốm	Tp. Đ.Biên Phủ	10 km
4	Hồ Nậm Khẩu Hú	Điện Biên	400 ha
5	Thủy nông Nậm Núa	Điện Biên	150 ha
6	Hồ Na Hươm	Điện Biên	220 ha
7	Thủy lợi Huội Ún	Điện Biên	200 ha
8	Thủy lợi Nậm Khúm - Mường Luân	Đ.Biên Đông	120 ha
9	Thủy lợi Nậm Pồ	Mường Nhé	200 ha
10	Thủy lợi Nậm Nhé	Mường Nhé	300 ha
11	Thủy lợi Phụ Phang	Mường Nhé	250 ha
12	Thủy lợi Nậm Sả	Mường Nhé	120
13	Thủy lợi Mo Phí	Mường Nhé	100 ha
14	Hồ thủy lợi Nậm Chím	Mường Chà	500 ha
15	Hồ thủy lợi Bản Phủ	Tuần Giáo	150 ha
16	Thủy lợi Sáng Lầu	Tủa Chùa	79 ha
17	Thủy lợi Sáng Nhè	Tủa Chùa	30 ha
18	Hồ Nậm Ngám	Đ.Biên Đông	1.000 ha
19	Thủy lợi Nậm Pô	Mường Nhé	150 ha lúa
20	Hồ Huổi Cánh	H. Điện Biên	150 lúa
21	Thủy lợi bản Cang - Búng Lao	Tuần Giáo	600 ha
22	Thủy lợi Xuấn Lao	Tuần Giáo	270 ha
23	Hồ bản Cang	Tuần Giáo	350 ha
24	Hồ bản Phủ	Tuần Giáo	550 ha

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô
25	Chuỗi công trình hồ thủy lợi Quài Tở	Tuần Giáo	270 ha
26	Thủy lợi bản Hiệu	Tuần Giáo	150 ha
27	Hồ Huổi Vẻ	Điện Biên	200 ha
28	Hồ Na Hươm	H.Điện Biên	200 ha lúa
V	Giáo dục - đào tạo		
1	Trường dành cho trẻ Làng SOS	Tp. Đ.Biên Phủ	
2	Trung tâm giáo dục thường xuyên	Điện Biên	2.000h/s
3	Trường THPT Búng Lao - Tuần Giáo	Tuần Giáo	1.500 h/s
4	Trường THPT Mường Nhà - Điện Biên	Điện Biên	1.500 h/s
5	Trường THPT Nà Tấu - Điện Biên	Điện Biên	2.000 h/s
6	Trường THPT Mường Luân - Điện Biên Đông	Đ.Biên Đông	1.400 h/s
7	Nâng cấp, sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Tp. Đ.Biên Phủ	200 h/s
8	Trung tâm giáo dục thường xuyên Mường Nhé	Mường Nhé	700 h/s
9	Trường THPT huyện Mường Nhé	Mường Nhé	1.200 h/s
10	Trường THPT Mường Mùn - Tuần Giáo	Tuần Giáo	1.000 h/s
11	Trường THPT thị trấn Điện Biên (mới)	Điện Biên	1.000 h/s
12	Khu học xá hữu nghị Việt - Lào	Tp. Đ.Biên Phủ	1.000 h/s
13	Trung tâm dạy nghề các huyện, thị xã	Toàn Tỉnh	500 h/s
VI	Y tế		
1	Bệnh viện lao và bệnh phổi	Tp. Đ.Biên Phủ	50 giường bệnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô
2	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	Điện Biên	50 giường bệnh
3	XD mới 11 phòng khám khu vực	Các huyện	
4	Nâng cấp hệ thống phòng khám khu vực và trạm y tế xã, phường	Các huyện	
5	Hỗ trợ y tế dự phòng (đầu tư thiết bị)	Các huyện	
VII	Văn hóa - xã hội		
1	Bảo tàng dân tộc tỉnh (Bảo tàng tổng hợp)	Tp. Đ.Biên Phủ	
2	Làng trẻ em SOS	Tp. Đ.Biên Phủ	900 h/s
3	XD nhà văn hóa xã, phường	Các huyện	20 xã. phường
4	XD trung tâm văn hóa huyện, thị	Các huyện	4 huyện thị
VIII	Phát thanh, truyền hình		
1	Trung tâm kỹ thuật phát sóng phát thanh, truyền hình đài tỉnh (giai đoạn II)	Tp. Đ.Biên Phủ	300 chỗ
2	XD đài truyền thanh - truyền hình huyện Mường Nhé	Mường Nhé	Cột TH 90m
3	XD và nâng cấp đài truyền thanh - truyền hình các huyện, thành phố		
IX	Thể dục - thể thao		
1	XD trung tâm TDTT (giai đoạn II)	Tp. Đ.Biên Phủ	20.000 chỗ
2	XD nhà thi đấu TDTT các huyện, thị, thành phố	Các huyện	3 huyện
X	Quản lý nhà nước		
1	Trụ sở cơ quan Đảng + quản lý nhà nước huyện Mường Nhé	Mường Nhé	130 người
2	Trụ sở cơ quan Đảng + quản lý nhà nước huyện Điện Biên	Điện Biên	130 người

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô
3	Trụ sở cơ quan Đảng + quản lý nhà nước thị xã Mường Lay	Tx Mường Lay	130 người
4	Nâng cấp trụ sở các xã	Toàn Tỉnh	70 trụ sở
5	Trụ sở Sở Công nghiệp	Tp Điện Biên Phủ	
XI	Phục vụ công cộng - hạ tầng đô thị		
1	Nhà máy xử lý rác thải (giai đoạn I)	Tp Điện Biên Phủ	90 T/ngày
2	Hệ thống xử lý nước thải	Tp Điện Biên Phủ	6.000 m ³ /ngày
3	Nhà máy nước Điện Biên Phủ (giai đoạn II)	Tp Điện Biên Phủ	8.000 m ³ /ngày
4	Nhà máy nước Điện Biên Đông	Điện Biên Đông	1.000 m ³ /ngày
5	Nhà máy nước Mường Nhé	Mường Nhé	1.000 m ³ /ngày
6	Nhà máy nước Mường Chà	Mường Chà	1.000 m ³ /ngày
7	Đường nội thị thị trấn huyện Điện Biên	Thị trấn Điện Biên	24,2 km
8	Đường nội thị thị trấn huyện Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa	5 km
9	Đường nội thị thị trấn huyện Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	5 km
10	Thảm nhựa giao thông nội thị thành phố Điện Biên Phủ (giai đoạn II)	Tp Điện Biên Phủ	10 km
11	Đường nội thị phường MT, TT, TB	Tp Điện Biên Phủ	29 km
12	Hạ tầng khu đô thị Noong Bua	Tp Điện Biên Phủ	666 hộ
13	Công viên ven sông Nậm Rốm	Tp Điện Biên Phủ	27 ha
14	Khu xử lý rác thải các đô thị	TT các huyện	
XII	Quốc phòng, an ninh		
1	Sở chỉ huy Khu căn cứ hậu phương	Toàn Tỉnh	
2	Sở chỉ huy Khu căn cứ chiến đấu	Toàn Tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô
3	Hệ thống đường tuần tra biên giới	Toàn Tỉnh	400 km
4	Các tuyến đường ra biên giới	Toàn Tỉnh	150 km
5	Trung tâm huấn luyện Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động	Điện Biên	200 h/v

* **Ghi chú:** về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ./.

